

Số: /KH-SKHCN

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/4/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Từng bước đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phục vụ của cơ quan dựa trên công nghệ số; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT trong cơ quan nhằm xây dựng chính quyền hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công khai minh bạch, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Ứng dụng CNTT trong cơ quan hướng tới Chính quyền điện tử/Chính quyền số thúc đẩy, gắn liền với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển theo hướng bền vững phục vụ người dân và doanh nghiệp;

Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

- 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý, giải quyết, lập, giao nộp hồ sơ, lưu trữ trên môi trường mạng (trừ tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung (trừ tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

100% báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Số hoá kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

## **2.2. Định hướng đến năm 2030**

- Tiếp tục duy trì các mục tiêu đã đạt được đến năm 2025 và hướng đến đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- 100% hồ sơ công việc của Sở Khoa học và Công nghệ được xử lý, giải quyết, lập, giao nộp hồ sơ, lưu trữ, bảo quản trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- Tích cực tham gia kết nối các Hệ thống của ngành Khoa học với Hệ thống thông tin của tỉnh, góp phần cung cấp dịch vụ công kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả;

- Hoàn thành xây dựng CSDL số phục vụ quản lý nhà nước của ngành khoa học tỉnh Hà Nam.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

### **1. Nhiệm vụ**

#### **1.1. Chuyển đổi số lĩnh vực khoa học:**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành khoa học và công nghệ và các công cụ quản lý, khai thác phục vụ quá trình chuyển đổi số.

- Cập nhật CSDL về nhiệm vụ KH&CN, CSDL về Tổ chức KH&CN, CSDL Doanh nghiệp KH&CN và CSDL về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào ứng dụng CSDL KH&CN đã xây dựng.

- Số hóa cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; đo lường.

- Số hóa các kết quả giải quyết TTHC của Sở.

- Xây dựng, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh, kết nối với Cổng Truy xuất nguồn gốc quốc gia; đảm bảo đến năm 2025, các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, Quốc gia.

#### **1.2. Chuyển đổi số của cơ quan sở:**

- Thực hiện số hóa hồ sơ cán bộ công chức, viên chức của sở.

- Thực hiện lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và bảo đảm giải pháp tích hợp để trích xuất, nộp lưu tài liệu (trừ tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước).

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.
- Thực hiện số hóa hồ sơ đề tài, dự án của cơ quan theo quy định.

## **2. Giải pháp cụ thể**

### **2.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

- Tổ chức phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trên bằng các hình thức khác nhau như: trên Trang Thông tin điện tử của Sở, trên phần mềm hồ sơ công việc, qua các cuộc họp định kỳ của cơ quan... nhằm nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Xây dựng, rà soát, hoàn thiện chương trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn, thực hiện chuyển đổi số Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm và giai đoạn.

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, điều hành công việc tại cơ quan, sử dụng dữ liệu số triệt để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ quan và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

- Cử công chức, viên chức tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, các khoá chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với các đối tượng làm công tác này.

### **2.2. Phát triển hạ tầng và nền tảng số**

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các phòng, trung tâm để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (trang thiết bị CNTT có tính năng bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh mạng, phần mềm chống mã độc, đường truyền Internet tốc độ cao để triển khai kết nối và xử lý dữ liệu trong cơ quan...).

- Xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của sở.

### **2.3. Xây dựng thông tin và cơ sở dữ liệu:**

- Tổ chức triển khai số hoá CSDL ngành khoa học theo từng lĩnh vực, từng giai đoạn đảm bảo thiết thực, hiệu quả, theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ điện tử.

- Chuẩn hoá hồ sơ lưu trữ điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, “Một cửa điện tử” và Dịch vụ công trực tuyến, các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử.

#### **2.4. Bảo đảm an toàn thông tin mạng:**

- Đánh giá và xây dựng phương án bảo vệ các hệ thống thông tin theo cấp độ trên các hệ thống thông tin của Sở Khoa học.

- Cử công chức phụ trách CNTT tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về công tác đảm bảo an toàn thông tin và vận hành thông suốt hệ thống thông tin.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong sở.

### **III. KINH PHÍ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí:** Từ nguồn ngân sách nhà nước

**2. Triển khai thực hiện:**

#### **2.1. Văn phòng Sở có trách nhiệm:**

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai Kế hoạch này. Tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch theo quy định.

- Tham mưu xây dựng dự toán hàng năm để mua sắm, sửa chữa, bổ sung, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, phương tiện đảm bảo phục vụ công tác chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại “mục 1.2. Chuyển đổi số nội bộ Sở” theo lộ trình hàng năm phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của Sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

#### **2.2. Phòng Quản lý khoa học:**

- Tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh đặt hàng triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/ cấp nhà nước liên quan đến áp dụng chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế-xã hội địa phương, trong đó, chú trọng các nhiệm vụ có sự tham gia và đổi ứng của doanh nghiệp, các công nghệ được ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng chuyển giao để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cập nhật, cung cấp thông tin CSDL về KH&CN để đưa lên Cổng thông tin điện tử, ứng dụng quản lý dữ liệu ngành KH&CN.

#### **3.3 Phòng Quản lý chuyên ngành:**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị tham mưu xây dựng, theo dõi, triển khai Kế hoạch hàng năm, nhằm hoàn thành các mục tiêu cơ bản của Kế hoạch.

- Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của Sở.
- Tăng cường biên tập, đăng tải các tin, bài về nội dung chuyển đổi số lên Cổng thông tin điện tử của Sở.
- Tổ chức tuyên truyền về ảnh hưởng của chuyển đổi số với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết TTHC mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công.
- Tham gia cùng các phòng, đơn vị trong việc đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, đề xuất kế hoạch đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin; xây dựng, cập nhật các CSDL chuyên ngành.

### **3.4. Phòng quản lý cơ sở:**

Tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về khoa học và công nghệ của địa phương; hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương về quản lý khoa học và công nghệ.

### **3.5. Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng:**

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết TTHC mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công.
- Tham mưu xây dựng, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh, kết nối với Công Truy xuất nguồn gốc quốc gia; đảm bảo đến năm 2030, các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ yếu trên đại bàn tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, Quốc gia.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị thuộc Sở phối hợp tổ chức thực hiện tốt kế hoạch này

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, yêu cầu phòng, đơn vị triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp đề nghị các phòng, đơn vị phản ánh kịp thời với lãnh đạo sở (qua Văn phòng sở) để nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tất Nhiên**